

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha				Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	638,000	ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,060,000
ABN62c	60A	30	755,000	ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,270,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	858,000	ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	2,375,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	1,580,000	ABN404c	250-300-350-400A	42	5,730,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	3,890,000	ABN804c	500-630	45	10,800,000
ABS32c	10~30A	25	650,000	ABN804c	700-800A	45	12,800,000
ABS52c	30~50A	35	710,000	ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,100,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,195,000	ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,650,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	1,755,000	ABS204c	150,175,200,225,250A	42	2,800,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	82,000	ABS404c	250-300-350-400A	65	6,500,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	96,000	ABS804c	500-630A	75	14,300,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha				ABS804c	800A	75	16,300,000
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	745,000	ABS1004b	1000A	65	26,500,000
ABN63c	60A	18	870,000	ABS1204b	1200A	65	28,500,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	990,000	TS1000N 4P	1000A	50	47,000,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	1,880,000	TS1250N 4P	1250A	50	50,000,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	4,720,000	TS1600N 4P	1600A	50	56,000,000
ABN803c	500-630A	45	9,300,000	Cầu dao điện (MCCB) 4 Pha loại khối chính dòng (0.7,0.85,1.0) x In max			
ABN803c	700-800A	45	10,700,000	ABS104c FMU	0,25,32,40,50,63,80,100,125	37	1,900,000
ABS33c	5A-10A	14	760,000	ABS204c FMU	100-125-160-200-250A	37	3,100,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	865,000	Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,395,000	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	2,340,000	32GRc	15-20-30A	1.5	298,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	5,150,000	32GRhd	15-20-30A	2.5	272,000
ABS803c	500-630A	75	11,500,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	298,000
ABS803c	700-800A	75	13,100,000	EBS52Fb	40-50A	5	530,000
ABS1003b	1000A	65	23,200,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	940,000
ABS1203b	1200A	65	25,300,000	EBS104c	30-40-50A	30	1,260,000
TS1000N 3P	1000A	50	45,000,000	EBS204c	60-75-100A	35	1,680,000
TS1250N 3P	1250A	50	46,000,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	65	3,690,000
TS1600N 3P	1600A	50	51,000,000	Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
TS1000H 3P	1000A	70	46,000,000	EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	14	1,600,000
TS1250H 3P	1250A	70	47,000,000	EBS103c	60,75,100A	18	1,980,000
TS1600H 3P	1600A	70	52,000,000	EBS203c	125,150,175,200,225,250A	26	4,230,000
TS1000L 3P	1000A	150	55,000,000	EBS403c	250-300-350-400A	37	7,960,000
Cầu dao điện MCCB 3 Pha loại khối chính dòng (0.7-0.85-1.0) x In max				EBS803c	500,630A	37	14,200,000
ABS103c FMU	0,25-32-40-50-63-80-100-125A	37	1,750,000	EBS803c	800A	37	17,500,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	2,480,000	Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Cầu dao điện MCCB 3 Pha loại khối chính dòng (0.8~1) x In max				EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	2,850,000
ABE 103G	63-80-100A	16	1,500,000	EBS104c	5,20,30,40,50,60,75,100,125	37	3,260,000
ABS 203G	200A	25	2,220,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	6,280,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN MCCB				EBS204c	250,300,350,400A	37	11,500,000
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN/S50~250AF	720,000	PHỤ KIỆN MCCB	Tay xoay (Handle) (DH loại gắn trực (EH loại gắn ngoài)	DH100-S for ABN103c	450,000	
	SHT for ABN/S400~800AF	850,000			DH125-S for ABS125c	470,000	
	SHT for ABS1003b~1204b	900,000			DH250-S for ABH250c	480,000	
	SHT for TS1000~1600	920,000			N~70S for ABN403c	900,000	
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN/S50~250AF	900,000	EH125-S for ABS125c		670,000		
	UVT for ABN/S400~800AF	970,000	EH250-S for ABN250c		690,000		
	UVT for ABS1003b~1204b	1,100,000	E-70U-S for ABN403c		1,470,000		
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	UVT for TS1000~1600	1,200,000	E-80U-S for ABN803c		1,680,000		
	AX for ABN/S50~250AF	280,000	Khóa liên động (Mechanical interlock)		MI-13S for ABN53~103c	600,000	
	AX for ABN/S400~800AF	420,000			MI-23S for ABS103c	610,000	
AX for ABS1003b~1204b	450,000	MI-33S for ABN/S203c		620,000			
AX for ABS1003b~1204b	450,000	MI-43S for ABN/S403c		900,000			
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN/S50~250AF	280,000	MI-83S for ABN/S803c	1,000,000			
	AL for ABN/S400~800AF	420,000	Tấm chắn pha: Insulation barrier (IB)	IB-13 for ABN52~103c	9,000		
	AL for ABS1003b~1204b	450,000		IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	18,000		
AL/AX for ABN/S50~250AF	600,000	IBL-400 for ABN/S403c		32,000			
Mô tơ điều khiển On/Off cho MCCB Motor operator: (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	2,850,000		IBL800 for ABS803c/TS630	35,000		
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	3,000,000	Barrier insulation for ABS1200b	38,000			
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	3,750,000	Busbar for ABN/S803c	750,000			
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	5,100,000	- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)				
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	6,100,000					
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	7,500,000					